

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 45/2020/DS-ST

Ngày: 26-8-2020

*V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng
2. Bà Lại Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-DS ngày 21/02/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXX ST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số 63 Bis, đường N, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Quỳnh N, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Số 671, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 14/11/2019.

2. *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Kim A sinh năm: 1970

Địa chỉ: Số 141, tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Võ Đăng C sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 141, tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

4. *Người làm chứng:* Anh Võ Duy P, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Số 141, tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N, bà A, ông C, anh P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, lời trình bày của bà Trương Thị Quỳnh N là người đại diện theo ủy quyền của bà T, tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng thì: Bà T và bà A bắt đầu làm ăn với nhau vào thán 01 năm 2015, bà T có đưa tiền nhiều lần cho bà A vay bằng hình thức chuyển khoản và có một số lần đưa trực tiếp. Trong năm 2015 và 2016 tổng số tiền bà T đã đưa cho bà A là 500.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/1 triệu/1 tháng. Bà A đã trả cho bà T nhiều lần, trả từng tháng, cụ thể như sau:

Ngày 28/1/2015 bà T bắt đầu cho bà A vay tiền, ngày 28/01/2015 số tiền bà A vay là 40.000.000 đồng

Lãi suất:

Từ 28/01/2015 đến 28/02/2015 (tiền gốc 40.000.000 đồng, thời gian 01 tháng): $40.000.000 \times 3\% \times 1 = 1.200.000$ đồng

Từ 01/03/2015 đến 17/03/2015 (tiền gốc 40.000.000 đồng, thời gian 17 ngày): $40.000.000 \times (3\%/30) \times 17 = 680.000$ đồng

Ngày 17/03/2015 bà T cho bà A vay thêm số tiền 20.000.000 đồng

Lãi suất:

Từ 18/03/2015 đến 18/4/2015 (tiền gốc 60.000.000 đồng, thời gian 01 tháng): $60.000.000 \times 3\% \times 1 = 1.800.000$ đồng.

Từ 19/4/2015 đến 19/5/2015 (tiền gốc 60.000.000 đồng, thời gian 01 tháng): $60.000.000 \times 3\% \times 1 = 1.800.000$ đồng.

Từ 20/5/2015 đến 9/6/2015 (tiền gốc 60.000.000 đồng, thời gian 20 ngày): $60.000.000 \times (3\%/30) \times 20 = 1.200.000$ đồng.

Ngày 9/6/2015 bà T cho bà A vay thêm số tiền là 20.000.000 đồng

Từ 10/6/2015 đến 23/6/2015 (tiền gốc 80.000.000 đồng, thời gian 14 ngày): $80.000.000 \times (3\%/30) \times 14 = 1.120.000$ đồng.

Ngày 11/6/2015 bà T cho bà A vay thêm số tiền 20.000.000 đồng + ngày 23/6/2015 bà T cho bà A vay thêm số tiền 50.000.000 đồng.

Lãi suất:

Từ 24/6/2015 đến 24/7/2015 (tiền gốc 150.000.000 đồng, thời gian 01 tháng): $150.000.000 \times 3\% \times 1 = 4.500.000$ đồng.

Từ 25/7/2015 đến 25/8/2015 (tiền gốc 150.000.000 đồng, thời gian 01 tháng): $150.000.000 \times 3\% \times 1 = 4.500.000$ đồng.

Từ 26/8/2015 đến 14/9/2015 (tiền gốc 150.000.000 đồng, thời gian 19 ngày): $150.000.000 \times (3\%/30) \times 19 = 2.850.000$ đồng.

Ngày 14/9/2015 bà T cho bà A vay thêm số tiền 15.000.000 đồng

Lãi suất:

Từ 15/9/2015 đến 15/10/2015 (tiền gốc 165.000.000 đồng, thời gian 1 tháng): $165.000.000 \times 3\% \times 1 = 4.950.000$ đồng.

Từ 16/10/2015 đến 16/11/2015: 4.950.000 đồng

Từ 17/11/2015 đến 17/12/2015: 4.950.000 đồng

Từ 18/12/2015 đến 18/01/2016: 4.950.000 đồng

Từ 19/01/2016 đến 19/02/2016: 4.950.000 đồng

Từ 20/02/2016 đến 20/03/2016: 4.950.000 đồng

Từ 21/03/2016 đến 21/4/2016: 4.950.000 đồng

Từ 22/4/2016 đến 6/5/2016 (tiền gốc 165.000.000 đồng, thời gian 15 ngày): $165.000.000 \times (3\%/30) \times 15 = 2.475.000$ đồng

Ngày 6/5/2016 bà T cho bà A vay thêm số tiền 48.500.000 đồng

Lãi suất:

Từ ngày 7/5/2016 đến ngày 15/6/2016 (tiền gốc 213.500.000 đồng, thời gian 38 ngày): $213.500.000 \times (3\%/30) \times 38 = 8.113.000$ đồng

Ngày 15/6/2016 bà T cho bà A vay thêm số tiền 200.000.000 đồng

Lãi suất:

Từ ngày 16/6/2016 đến ngày 16/7/2016 (tiền gốc 413.500.000 đồng, thời gian 1 tháng): $413.500.000 \times 3\% \times 1 = 12.405.000$ đồng

Từ ngày 17/7/2016 đến ngày 17/8/2016 (tiền gốc 413.500.000 đồng, thời gian 1 tháng): $413.500.000 \times 3\% \times 1 = 12.405.000$ đồng

Từ ngày 18/8/2016 đến ngày 18/9/2016 (tiền gốc 413.500.000 đồng, thời gian 1 tháng): $413.500.000 \times 3\% \times 1 = 12.405.000$ đồng

Từ ngày 19/9/2016 đến ngày 28/9/2016 (tiền gốc 413.500.000 đồng, thời gian 10 ngày): $413.500.000 \times (3\%/30) \times 10 = 4.135.000$ đồng

Ngày 28/9/2016 bà T cho bà A vay thêm số tiền 16.000.000 đồng, từ ngày 29/9/2016 đến ngày 7/10/2016 bà T cho bà A vay thêm số tiền 70.500.000 đồng

Tiền lãi:

Từ ngày 29/9/2016 đến ngày 7/10/2016 (tiền gốc 429.500.000 đồng, thời gian 9 ngày): $429.500.000 \times (3\%/30) \times 9 = 3.865.500$ đồng.

Từ ngày 8/10/2016 đến ngày 8/11/2016 (tiền gốc 500.000.000 đồng, thời gian 1 tháng): $500.000.000 \times 3\% \times 1 = 15.000.000$ đồng

Từ ngày 9/11/2016 đến ngày 9/12/2016 (tiền gốc 500.000.000 đồng, thời gian 1 tháng): $500.000.000 \times 3\% \times 1 = 15.000.000$ đồng

Từ ngày 10/12/2016 đến ngày 10/01/2017 (tiền gốc 500.000.000 đồng, thời gian 1 tháng): $500.000.000 \times 3\% \times 1 = 15.000.000$ đồng

Từ ngày 11/01/2017 đến ngày 11/02/2017 (tiền gốc 500.000.000 đồng, thời gian 1 tháng): $500.000.000 \times 3\% \times 1 = 15.000.000$ đồng

Từ ngày 12/02/2017 đến ngày 21/3/2017 (tiền gốc 500.000.000 đồng, thời gian 39 ngày): $500.000.000 \times (3\%/30) \times 39 = 19.500.000$ đồng.

Ngày 21/03/2017 bà A trả cho bà T số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền gốc bà A còn nợ bà T là 400.000.000 đồng

Tiền lãi:

Từ ngày 22/03/2017 đến ngày 26/4/2017 (tiền gốc 400.000.000 đồng, thời gian 34 ngày): $400.000.000 \times (3\%/30) \times 34 = 13.600.000$ đồng

Ngày 26/4/2017 bà A trả cho bà T số tiền là 20.000.000 đồng, số tiền gốc bà A còn nợ bà T là 380.000.000 đồng

Từ ngày 27/4/2017 đến ngày 15/5/2017 (tiền gốc 380.000.000 đồng, thời gian 19 ngày): $380.000.000 \times (3\%/30) \times 19 = 7.220.000$ đồng.

Ngày 15/5/2017 hai bên chốt lại công nợ, bà A nợ bà T số tiền gốc là 380.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đến khi trả hết tiền nợ bà A vẫn tiếp tục trả lãi cho bà T với lãi suất 3%/tháng.

Tiền lãi từ 16/5/2017 đến ngày 27/6/2017 (tiền gốc 380.000.000 đồng, thời gian 41 ngày): $380.000.000 \times (3\%/30) \times 41 = 15.580.000$ đồng.

Ngày 27/6/2017 bà A trả cho bà T số tiền là 80.000.000 đồng, trong đó bà A trả tiền lãi là 15.580.000 đồng, trả tiền gốc là 64.420.000 đồng.

Tính đến ngày 27/6/2017 bà A còn nợ bà T số tiền vay là 315.580.000 đồng.

Từ ngày 28/6/2017 đến ngày 15/8/2017 (tiền gốc 315.580.000 đồng, thời gian 47 ngày): $315.580.000 \times (3\%/30) \times 47 = 14.832.000$ đồng.

Ngày 15/8/2017 bà A trả cho bà T số tiền là 80.000.000 đồng, trong đó bà A trả tiền lãi là 14.832.000 đồng, trả tiền gốc số tiền là 65.168.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà A đã trả cho bà T tính đến ngày 15/8/2017 là 163.862.000đ.

Tính đến ngày 15/8/2017 bà A đã trả cho bà T số tiền gốc là 249.588.000đ, hiện bà A còn nợ bà T số tiền gốc là 250.412.000 đồng. Từ đó đến nay bà A chưa trả cho bà T khoản tiền nào khác. Trước đây, bà T có yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A trả cho bà T số tiền gốc là 380.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà T xác định bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay bà T yêu cầu bà A trả cho bà T số tiền gốc là 250.412.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 16/8/2017 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Ngoài ra bà T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Đoàn Thị Kim A trình bày: Vào năm 2015, bà có vay tiền của bà T nhiều lần, các lần vay là bà T đều chuyển khoản qua Ngân hàng Agribank. Tổng số tiền bà T chuyển khoản cho bà theo hóa đơn chứng từ của bà T xuất trình 429.500.000đ là đúng chứ không phải 500.000.000đ như bà T trình bày. Bà trả trực tiếp cho bà T là 60 triệu đồng, cụ thể cuối năm 2017 bà trả cho bà T 20.000.000đ, đầu năm 2018 bà trả cho bà T 20.000.000đ, cuối năm 2018 bà trả cho bà T 20.000.000đ, tổng cộng bà trả trực tiếp cho bà T 60.000.000đ. Ngoài ra bà đã chuyển khoản trả cho bà T nhiều lần với tổng số tiền theo chứng từ là 413.450.000đ, tổng số tiền bà đã trả cho bà T là 473.450.000đ. Như vậy, bà trả cho bà T dư 43.950.000đ, số tiền này coi như bà trả tiền lãi cho bà T, bà không có yêu cầu gì. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà trả 250.412.000 đồng tiền gốc và lãi suất từ ngày 16/8/2017 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1,66%/tháng thì bà không đồng ý vì bà đã trả hết cho bà T. Việc bà vay tiền của bà T thì những người trong gia đình bà đều không biết. Ngoài ra, bà A không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đăng C trình bày: Việc vay nợ giữa bà T và bà A cụ thể như thế nào ông không biết. Bà A vay tiền của bà T

hay không, vay sử dụng vào việc gì, có sử dụng vào việc chi tiêu chung của gia đình hay không ông không biết. Ông chỉ biết vào khoảng 07 giờ sáng của một ngày giữa năm 2018, bà T có dẫn 03 người thanh niên theo ông là xã hội đen đến nhà ông và ngồi nói chuyện với bà A. Sau đó ông có thấy bà T đọc cho bà A viết giấy nợ nhưng chỉ nghe vài câu rồi ông đi ra vườn nên không chứng kiến, không biết sự việc cụ thể như thế nào. Khi ở ngoài vườn thì ông không nghe thấy, không nhìn thấy bà T có hành vi gì ép buộc hay đe dọa bà A. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà A trả tiền thì ông không có ý kiến gì vì ông không biết giữa hai chị em bà T và bà A làm ăn với nhau cụ thể như thế nào.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho những người vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả 250.412.000đồng tiền gốc và 75.585.000đồng tiền lãi, tổng cộng là 325.997.000đồng. Bị đơn không đồng ý trả tiền gốc cũng như tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà A có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc là 250.412.000đồng, buộc bà A phải trả cho bà T số tiền lãi là 13.609.032đồng.

Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho bà T. Tuy nhiên, bà A có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn vì vậy đề nghị giảm cho bà A $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà T cho rằng bà có cho bà A vay số tiền gốc là 500.000.000đồng, bà A đã trả cho bà 120.000.000đồng còn 380.000.000đồng đến hạn trả nợ bà A không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà A phải trả cho bà số tiền gốc là 380.000.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà A xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà A phải trả cho bà T số tiền gốc là 250.412.000đồng và tiền lãi là 75.585.000đồng. Bà A không đồng ý trả tiền gốc cũng như tiền lãi theo yêu cầu

khởi kiện của bà T nên phát sinh tranh chấp. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và bà A có quan hệ họ hàng với nhau nên giữa bà T với bà A có giao dịch vay mượn tiền nhiều lần, thông qua hình thức chuyển khoản và đưa trực tiếp. Cụ thể bắt đầu từ ngày 28/01/2015 đến ngày 28/9/2016 bà T đã 09 lần cho bà A vay tiền thông qua hình thức chuyển khoản, với tổng số tiền là 429.500.000đồng, ngoài ra theo bà T trình bày có đưa trực tiếp cho bà A thêm số tiền 70.500.000đồng, tổng cộng bà A cho bà T vay 500.000.000đồng. Ngày 15/5/2017 hai bên đối chiếu công nợ và thống nhất số tiền bà A vay của bà T là 500.000.000đồng, đã trả 120.000.000đồng, còn nợ lại 380.000.000đồng. Bà A không thừa nhận vay của bà T 500.000.000đồng mà bà A chỉ thừa nhận đã vay của bà T số tiền bà T chuyển khoản cho bà A theo hóa đơn chứng từ là 429.500.000đồng. Tuy nhiên, ngày 15/5/2017 bà A là người trực tiếp viết giấy nhận nợ với bà T, bà A đã ký nhận vào giấy nhận nợ này. Tại phiên tòa bà A xác định ngày 15/5/2017 khi bà viết giấy nhận nợ với bà T thì không có sự chứng kiến của chồng và con trai mà khi đó vì sợ chồng con biết nên bà viết theo ý của bà T. Đến khoảng tháng 7, tháng 8/2018 thì bà T mới đưa 03 người đàn ông đến nhà bà A đòi nợ, khi đó bà lại viết một giấy nhận nợ với bà T với số tiền 220.000.000đồng, giấy này hiện bà T đang cầm. Như vậy, đối với giấy nhận nợ ngày 15/5/2017 bà A xác lập với bà T là tự nguyện, không bị ép buộc, không bị đe dọa, bà A là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải chịu trách nhiệm với các hành vi do mình xác lập thực hiện. Đồng thời, tại phiên tòa ông C và anh P cùng xác định không biết việc làm ăn giữa bà A với bà T với nhau cụ thể như thế nào, khi bà A viết giấy nhận nợ với bà T thì ông C và anh P không chứng kiến. Vì vậy, cần xác định số tiền bà T cho bà A vay theo giấy nhận nợ ngày 15/5/2017 là 500.000.000đồng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án bà T xuất trình các biên lai thể hiện số tiền đã chuyển khoản cho bà A vay, tổng cộng là 429.500.000đồng, bà A thừa nhận có nhận số tiền trên do bà T chuyển khoản. Còn bà A cũng xuất trình một số biên lai thể hiện đã chuyển tiền trả cho bà T thông qua hình thức chuyển khoản với tổng số tiền là 413.450.000đồng, bà T thừa nhận có nhận số tiền trên do bà A chuyển khoản. Ngoài ra bà A trình bày có 03 lần trả tiền trực tiếp cho bà T với tổng số tiền 60.000.000đồng, bà T không thừa nhận đã nhận 60.000.000đồng do bà A đưa trực tiếp mà bà T xác định bà A trả tiền cho bà T chỉ thông qua hình thức chuyển khoản, không đưa trực tiếp, trong khi đó bà A không có chứng cứ để chứng minh vấn đề này. Vì vậy, cần xác định số tiền bà A đã trả cho bà T là 413.450.000đồng là phù hợp.

Đối với số tiền 413.450.000đồng mà bà T đã nhận của bà A thì phía nguyên đơn xác định trong đó tiền gốc là 249.588.000đồng, tiền lãi tính theo mức lãi suất 3%/ tháng là 163.862.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn xác định lãi các đương sự tự thỏa thuận là 3%/tháng, bị đơn xác định không thỏa thuận lãi suất, trong giấy vay tiền không thể hiện các đương sự có thỏa thuận lãi suất. Vì vậy, cần xác định đây là trường hợp vay có lãi khi đến hạn bên vay không trả nợ nên bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi nên cần tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Cách tính lãi theo nguyên đơn trình bày là cao so với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần căn trừ số tiền bà T đã nhận của bà A 413.450.000đồng vào khoản tiền gốc 500.000.000đồng, buộc bà A có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc là 86.550.000đồng.

[3] Tại phiên tòa, ngoài việc yêu cầu bà A phải trả cho bà T số tiền gốc là 250.412.000đồng thì người đại diện theo ủy quyền của bà T còn yêu cầu bà A phải trả cho bà T tiền lãi tính từ ngày 16/8/2017 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 0,83%/ tháng, thành tiền là 76.901.525đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy vay tiền giữa bà T với bà A không thể hiện giữa hai bên có thỏa thuận về lãi suất với nhau nhưng bà T xác định có thỏa thuận lãi 3%/ tháng còn bà A không thừa nhận nên cần xác định đây là hợp đồng vay có lãi như đã nhận định ở trên. Bà T chuyển tiền cho bà A lần đầu tiên là ngày 28/01/2015 dương lịch, lần cuối cùng bà A chuyển trả tiền cho bà T 10/11/2017 dương lịch, ngày 28/10/2019 bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nên cần áp dụng khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi suất cụ thể như sau:

Tiền lãi từ ngày 28/01/2015 đến ngày 17/3/2015 trên số tiền gốc 40.000.000đồng được tính cụ thể như sau: $40.000.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 49 \text{ ngày} = 490.000\text{đồng}$.

Ngày 17/3/2015 bà T chuyển khoản thêm cho bà A 20.000.000đồng. Vì vậy, tiền lãi từ ngày 18/3/2015 đến ngày 05/5/2015 trên số tiền gốc 60.000.000đồng, tính cụ thể: $60.000.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 705.000\text{đồng}$.

Ngày 05/5/2015 bà A chuyển khoản trả bà T 2.100.000đồng. Tiền lãi từ ngày 06/5/2015 đến ngày 09/6/2015 trên số tiền gốc 57.900.000đồng, tính cụ thể: $57.900.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 477.500\text{đồng}$.

Ngày 09/6/2015 bà T chuyển khoản cho bà A vay 20.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 10/6/2015 đến ngày 11/6/2015 trên số tiền gốc 77.900.000đồng, tính cụ thể: $77.900.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 2 \text{ ngày} = 38.950\text{đồng}$.

Ngày 11/6/2015 bà T chuyển khoản cho bà A vay 20.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 12/6/2015 đến ngày 23/6/2015 trên số tiền gốc 97.900.000đồng, tính cụ thể: $97.900.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 11 \text{ ngày} = 269.000\text{đồng}$.

Ngày 23/6/2015 bà T chuyển khoản cho bà A vay 50.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 24/6/2015 đến ngày 4/8/2015 trên số tiền gốc 147.900.000đồng, tính cụ thể: $147.900.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 1.478.000\text{đồng}$.

Ngày 04/8/2015 bà A chuyển khoản trả bà T 5.400.000đồng. Tiền lãi từ ngày 05/8/2015 đến ngày 03/9/2015 trên số tiền gốc 142.500.000đồng, tính cụ thể: $142.500.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 28 \text{ ngày} = 997.500\text{đồng}$.

Ngày 03/9/2015 bà A chuyển khoản trả bà T 6.400.000đồng. Tiền lãi từ ngày 04/9/2015 đến ngày 14/9/2015 trên số tiền gốc 136.500.000đồng, tính cụ thể: $136.500.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 10 \text{ ngày} = 341.500\text{đồng}$.

Ngày 14/9/2015 bà T chuyển khoản cho bà A vay 15.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 15/9/2015 đến ngày 02/10/2015 trên số tiền gốc 151.500.000đồng, tính cụ thể: $151.500.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 17 \text{ ngày} = 644.000\text{đồng}$.

Ngày 02/10/2015 bà A chuyển khoản trả bà T 6.450.000đồng. Tiền lãi từ ngày 03/10/2015 đến ngày 02/11/2015 trên số tiền gốc 145.050.000đồng, tính cụ thể: $145.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 29 \text{ ngày} = 1.051.000\text{đồng}$.

Ngày 02/11/2015 bà A chuyển khoản trả bà T 6.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 03/11/2015 đến ngày 08/3/2016 trên số tiền gốc 139.050.000đồng, tính cụ thể: $139.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 4 \text{ tháng } 5 \text{ ngày} = 4.345.000\text{đồng}$.

Ngày 08/3/2016 bà A chuyển khoản trả bà T 6.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 09/3/2016 đến ngày 07/4/2016 trên số tiền gốc 133.050.000đồng, tính cụ thể: $133.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 28 \text{ ngày} = 931.000\text{đồng}$.

Ngày 07/4/2016 bà A chuyển khoản trả bà T 6.500.000đồng. Tiền lãi từ ngày 08/4/2016 đến ngày 06/5/2016 trên số tiền gốc 126.550.000đồng, tính cụ thể: $126.550.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 28 \text{ ngày} = 886.000\text{đồng}$.

Ngày 06/5/2016 bà T chuyển khoản cho bà A vay 48.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 07/5/2016 đến ngày 15/6/2016 trên số tiền gốc 175.050.000đồng, tính cụ thể: $175.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 8 \text{ ngày} = 1.663.000\text{đồng}$.

Ngày 15/6/2016 bà T chuyển khoản cho bà A vay 200.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 16/6/2016 đến ngày 04/8/2016 trên số tiền gốc 375.050.000đồng, tính cụ thể: $375.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 3.799.500\text{đồng}$.

Ngày 04/8/2016 bà A chuyển khoản trả bà T 14.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 05/8/2016 đến ngày 06/9/2016 trên số tiền gốc 361.050.000đồng, tính cụ thể: $361.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 1 \text{ ngày} = 2.798.000\text{đồng}$.

Ngày 06/9/2016 bà A chuyển khoản trả bà T 14.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 07/9/2016 đến ngày 28/9/2016 trên số tiền gốc 347.050.000đồng, tính cụ thể: $347.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 21 \text{ ngày} = 1.822.000\text{đồng}$.

Ngày 28/9/2016 bà T chuyển khoản cho bà A vay 16.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 29/9/2016 đến ngày 07/11/2016 trên số tiền gốc 363.050.000đồng, tính cụ thể: $363.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 8 \text{ ngày} = 3.449.000\text{đồng}$.

Ngày 07/11/2016 bà A chuyển khoản trả bà T 15.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 08/11/2016 đến ngày 08/12/2016 trên số tiền gốc 348.050.000đồng, tính cụ thể: $348.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng} = 2.610.000\text{đồng}$.

Ngày 08/12/2016 bà A chuyển khoản trả bà T 15.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 09/12/2016 đến ngày 21/3/2017 trên số tiền gốc 333.050.000đồng, tính cụ thể: $333.050.000\text{đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 4 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 10.991.000\text{đồng}$.

Ngày 21/3/2017 bà A chuyển khoản trả bà T 100.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 22/3/2017 đến ngày 31/3/2017 trên số tiền gốc 233.050.000đồng, tính cụ thể: $233.050.000\text{đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 9 \text{ ngày} = 582.000\text{đồng}$.

Ngày 31/3/2017 bà A chuyển khoản trả bà T 7.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 01/4/2017 đến ngày 26/4/2017 trên số tiền gốc 226.050.000đồng, tính cụ thể: $226.050.000\text{đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 26 \text{ ngày} = 1.632.000\text{đồng}$.

Ngày 26/4/2017 bà A chuyển khoản trả bà T 20.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 27/4/2017 đến ngày 27/6/2017 trên số tiền gốc 206.050.000đồng, tính cụ thể: $206.050.000\text{đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 2 \text{ tháng} = 3.434.000\text{đồng}$.

Ngày 27/6/2017 bà A chuyển khoản trả bà T 80.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 28/6/2017 đến ngày 15/8/2017 trên số tiền gốc 126.050.000đồng, tính cụ thể: $126.050.000\text{đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 1.645.000\text{đồng}$.

Ngày 15/8/2017 bà A chuyển khoản trả bà T 80.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 16/8/2017 đến ngày 10/11/2017 trên số tiền gốc 46.050.000đồng, tính cụ thể: $46.050.000\text{đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 384.000\text{đồng}$.

Ngày 10/11/2017 bà A chuyển khoản trả bà T 10.000.000đồng. Theo tài liệu bà A xuất trình có một hóa đơn không ghi ngày thể hiện bà A chuyển cho Tuyết 20.000.000đồng. Như vậy, tiền gốc để tính lãi còn lại là 46.050.000đồng – 20.000.000đồng = 16.050.000đồng.

Như vậy tiền lãi tính từ ngày 11/11/2017 cho đến ngày xét xử là 33 tháng 15 ngày được tính cụ thể như sau: $(16.050.000\text{đồng} + 86.550.000\text{đồng}) \times 10\% \times 33 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 28.642.500\text{đồng}$

Tổng cộng tiền lãi bà A phải trả cho bà T là 76.106.000đồng.

[4]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà A phải trả cho bà T số tiền gốc là 86.550.000đồng, tiền lãi là 76.106.000đồng, tổng cộng là 162.656.000đồng.

[5]. Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền không

được chấp nhận. Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho bà T. Tuy nhiên, bà A có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Văn nên căn cứ khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần xem xét miễn $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm cho bà A là phù hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Đoàn Thị Kim A phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 86.550.000đồng, tiền lãi là 76.106.000đồng, tổng cộng là 162.656.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị Kim A phải chịu 4.066.400đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 8.167.000đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.328.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007236 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho bà T 2.161.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/8/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh